

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2024/KDTM-

PT

Ngày: 30-12-2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín
dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vượng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tạng;

Ông Sỹ Danh Đạt.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Bảo Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp:** Bà Võ Thị Trang
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 30/12/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2024/TLPT-KDTM ngày 31 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2024/KDTM-ST ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 625/2024/QĐ-PT ngày 18 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N.

Địa chỉ: Số A T, Phường L, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của Ông Nguyễn Thanh T: Ông Trần Văn K - Chức vụ: Trưởng phòng quản lý nợ Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh Đ (Văn bản ủy quyền ngày 05/8/2024); Địa chỉ chi nhánh: Số F, đường C,

Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. *(Có mặt)*

2. Bị đơn: Công ty cổ phần T1.

Địa chỉ trụ sở: Lô C, Khu công nghiệp S, phường T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Đức Q, sinh năm 1977; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Q: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1971 (Văn bản ủy quyền ngày 14/8/2024); Địa chỉ: Số C, tỉnh lộ 848, khóm T, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. *(Có mặt)*

3. Người kháng cáo: Công ty cổ phần T1 (Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Đức Q, sinh năm 1977; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc) - Là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa ông Trần Văn K – đại diện ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N trình bày: Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh Đ có cho Công ty Cổ phần T1 (viết tắt Công ty T1) vay vốn theo Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 285/2012/NHNT.ĐT ngày 13/12/2012 và Phụ kiện số 01 ngày 30/01/2013, phụ kiện số 02 ngày 27/05/2013 cụ thể:

Hạn mức cho vay: 39.000.000.000 đồng (Ba mươi chín tỷ đồng); Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh chế biến thủy hải sản; Thời hạn cho vay: Được tính theo từng giấy nhận nợ của từng lần rút vốn tối đa là 06 tháng kể từ ngày nhận nợ vay (theo từng giấy nhận nợ); Lãi suất cho vay tại thời điểm nhận nợ được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của Ngân hàng N theo từng thời kỳ; Trả gốc: Theo từng giấy nhận nợ; Trả lãi hàng tháng.

Để bảo đảm khoản nợ vay trên, Công ty T1 đã thế chấp các tài sản sau:

Công trình xây dựng (nhà xưởng sản xuất) theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 258/2009/VCB-ĐT ngày 24/09/2009;

Máy móc thiết bị chế biến cá tra theo hợp đồng thế chấp tài sản số 257/2009/VCB-ĐT ngày 24/09/2009;

Quyền sử dụng đất (thửa 442 tờ bản đồ 32, thửa 134 tờ bản đồ 35 –

nguồn gốc đất thuê của doanh nghiệp Đ1) theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 87/2010/VCB-ĐT ngày 02/08/2010;

Quyền sử dụng đất (thửa 134 tờ bản đồ 35 – nguồn gốc đất thuê của doanh nghiệp Đ1) theo hợp đồng thế chấp số 300/2013/VCB-ĐT ngày 28/01/2013.

Quá trình thực hiện hợp đồng, đến ngày 26/9/2013 Công ty Cổ phần T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán, phát sinh nợ quá hạn, nên các bên đồng ý xử lý tài sản thế chấp để trả nợ cụ thể:

Ngày 15/12/2016, Công ty T1 đã bán tài sản thế chấp (nhà xưởng và dây chuyền máy móc thiết bị) theo hợp đồng thế chấp số 257, 258 cho ông Bùi Anh D số tiền 16.400.000.000 đồng. Sau đó, Ngân hàng cũng đã giải chấp tài sản, bàn giao toàn bộ tài sản cho anh Bùi Anh D quản lý.

Tháng 8/20218 thông qua sự ủy quyền bán tài sản của Công ty T1; Ngân hàng đã thông báo đấu giá tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa 442, tờ bản đồ 32; thửa 134 tờ bản đồ 35 cho Công ty TNHH M số tiền 12.650.000.000 đồng. Ngày 07/9/2018 Ngân hàng đã bàn giao tài sản thế chấp (Quyền sử dụng đất) cho Công ty M quản lý, sử dụng.

Các thủ tục mua bán, chuyển nhượng tài sản thế chấp cho bên thứ 3 do Ngân hàng thông báo, thực hiện thông qua sự ủy quyền đồng ý của Công ty T1 và toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được chuyển trả tiền nợ gốc của Công ty T1.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay của Công ty H bên đã xử lý xong, để thu hồi vốn gốc; nhưng hiện nay công ty còn nợ vốn gốc là 8.711.233.645 đồng và nợ lãi quá hạn từ ngày 26/9/2013 đến nay chưa thanh toán. Tuy nhiên, căn cứ vào thỏa thuận tại mục 7.3.2 Điều 7 của Hợp đồng thế chấp số 258 ngày 24/9/2009, hợp đồng số 87 ngày 02/8/2010, hợp đồng số 300 ngày 28/01/2013 và mục 7.4.2 Điều 7 của Hợp đồng thế chấp số 257 ngày 24/9/2009 và thỏa thuận tại mục 10.2, 10.3 Điều 10 của Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 285/2012/NHNT.ĐT ngày 13/12/2012, Ngân hàng TMCP N yêu cầu:

Công ty T1 trả tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 05/04/2024 là 42.011.527.135 đồng (Bốn mươi hai tỷ, không trăm mười một triệu, năm trăm hai mươi bảy ngàn, một trăm ba mươi lăm đồng). Trong đó: nợ gốc là

8.711.233.645 đồng; nợ lãi: 33.300.293.490 đồng, (nợ lãi trong hạn: 23.138.450.774 đồng, lãi quá hạn: 10.161.842.716 đồng);

Tiếp tục trả các khoản nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn, phí phát sinh theo qui định trong Hợp đồng tín dụng số 285/2012/NHNT.ĐT ngày 13/12/2012 và các giấy nhận nợ kèm theo Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 06/4/2024 cho đến khi Công ty Cổ phần T1 thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng nêu trên.

Khi bản án, quyết định có hiệu lực Ngân hàng TMCP N được quyền yêu cầu thi hành án theo quy định.

- *Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa bị đơn Công ty cổ phần T1, người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:* Công ty Cổ phần T1 có ký hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 285/2012/NHNT.ĐT ngày 13/12/2012 và Phụ kiện số 01 ngày 30/01/2013, phụ kiện số 02 ngày 27/05/2013 vay vốn tại Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh Đ số tiền là 39.000.000.000 đồng.

Để bảo đảm nợ vay theo Hợp đồng tín dụng nêu trên, Công ty T1 đã thế chấp tài sản sau:

Công trình xây dựng (nhà xưởng sản xuất); máy móc thiết bị chế biến cá tra; Quyền sử dụng đất thuộc thửa 442, tờ bản đồ 32 và thửa 134 tờ bản đồ 35 theo các hợp đồng thế chấp số 258/2009/VCB-ĐT ngày 24/09/2009; số 257/2009/VCB-ĐT ngày 24/09/2009; số 87/2010/VCB-ĐT ngày 02/08/2010; số 300/2012/VCB-ĐT ngày 28/01/2013.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và Ngân hàng đã chuyển nợ vay trên thành nợ quá hạn. Sau đó, Ngân hàng và Công ty T1 thống nhất xử lý tài sản bảo đảm để trả nợ cụ thể.

Năm 2016 (lần 1) công ty T1 đã bán tài sản bảo đảm (nhà xưởng và máy móc thiết bị) theo hợp đồng thế chấp số 257, 258 cho ông Bùi Anh D số tiền 16.400.000.000 đồng.

Năm 2018 (lần), Công ty T1 ủy quyền cho Ngân hàng thực hiện các thủ tục đấu giá tài sản đất (quyền sử dụng đất thuê - thửa 442, tờ bản đồ 32 và thửa 134 tờ bản đồ 35). Người trúng đấu giá là Công ty TNHH M, số tiền trúng đấu giá tài sản bảo đảm là 12.650.000.000 đồng.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm, ngân hàng đã trừ

vào số nợ gốc của Công ty T1.

Quá trình giải quyết, ông Bùi Đức Q – đại diện theo pháp luật của công ty T1 thừa nhận hiện nay còn nợ ngân hàng số tiền nợ gốc: 8.711.233.645 đồng và nợ lãi quá hạn từ ngày 26/9/2013 đến nay, nhưng không đồng ý trả.

Tuy nhiên, tại tòa, người đại diện ủy quyền của công ty T1 trình bày: Do tài sản bảo đảm cho khoản nợ vay của công ty đã được ngân hàng xử lý xong để thu hồi nợ nên hiện nay Công ty T1 không còn nợ số tiền vốn, lãi như ngân hàng trình bày.

Đồng thời, căn cứ Điều 13.2.1, 13.2.2 của Hợp đồng thế chấp tài sản số 257 có quy định “Nghĩa vụ được đảm bảo chấm dứt, khi tài sản thế chấp đã được xử lý để thu hồi nợ”. Ngoài ra, từ sau khi bán tài sản thế chấp để thu hồi nợ đến nay giữa các bên cũng không có thỏa thuận gì về việc trả tiếp số tiền nợ gốc, nợ lãi.

Tại Bản án sơ thẩm số 05/2024/KDTM-ST ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần N.

1.1. Buộc Công ty cổ phần T1 trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N số tiền vốn gốc là 8.711.233.645 đồng; nợ lãi: 33.300.293.490 đồng. Tổng cộng số nợ phải trả tính đến ngày 05/4/2024 là 42.011.527.135 đồng (Bốn mươi hai tỷ, không trăm mười một triệu, năm trăm hai mươi bảy ngàn, một trăm ba mươi lăm đồng).

1.2. Công ty cổ phần T1 tiếp tục trả tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán từ ngày 06/4/2024 theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 285/2012/NHNT.ĐT ngày 13/12/2012 và các Giấy nhận nợ đã ký kết cho đến khi thanh toán xong.

1.3. Ngân hàng Thương mại cổ phần N được quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 23/9/2024, Công ty cổ phần T1 (Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Đức Q, sinh năm 1977; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc) kháng cáo yêu cầu đề nghị xem xét, giải quyết, xét xử, sửa bản án

sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Công ty cổ phần T1 phải trả lại cho Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh Đ số tiền 42.011.527.135 đồng. Công ty cổ phần T1 chỉ đồng ý trả lại cho Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh Đ số tiền nợ gốc còn lại là 8.711.233.645 đồng.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Ông Trần Văn K trình bày: Đại diện Ngân hàng TMCP N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không thỏa thuận được với đại diện Công ty cổ phần T1 về giải quyết vụ án.

+ Bà Nguyễn Thị Kim L trình bày: Đại diện Công ty cổ phần T1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý theo yêu cầu của Ngân hàng TMCP N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung:

Ngân hàng TMCP N yêu cầu Công ty cổ phần T1 trả số tiền nợ gốc: 8.711.233.645 đồng; nợ lãi: 33.300.293.490 đồng, (nợ lãi trong hạn: 23.138.450.774 đồng, lãi quá hạn: 10.161.842.7 đồng); tiếp tục trả các khoản lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí phát sinh theo quy định trong Hợp đồng tín dụng số 285/2012/NHNT.ĐT ngày 13/12/2012 và các giấy nhận nợ kèm theo Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 06/4/2024 cho đến khi Công ty Cổ phần T1 thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ.

Căn cứ các chứng cứ thể hiện, thực hiện Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 285/2012/NHNT.ĐT ngày 13/12/2012 và Phụ kiện số 01 ngày 30/01/2013, phụ kiện số 02 ngày 27/05/2013, các giấy nhận nợ, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty T1 số tiền vay là 39.000.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, bắt đầu phát sinh nợ quá hạn từ ngày 26/9/2013, không còn khả năng trả nợ. Sau đó, hai bên thống nhất thỏa thuận xử lý tài sản bảo đảm để Ngân hàng thu hồi nợ. Tuy nhiên, sau khi đã xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm, Công ty còn nợ lại vốn gốc là 8.711.233.645 đồng và tiền lãi từ khi quá hạn (26/9/2013) đến

nay: 33.300.293.490 đồng. Như vậy, số vốn còn lại và lãi Công ty chưa trả cho Ngân hàng, trở thành nợ không có tài sản bảo đảm.

Đối với số tiền vốn gốc: Theo thỏa thuận của các bên tại mục 7.3.2 Điều 7 của Hợp đồng thế chấp số 258 ngày 24/9/2009, hợp đồng số 87 ngày 02/8/2010, hợp đồng số 300 ngày 28/01/2013 và mục 7.4.2 Điều 7 của Hợp đồng thế chấp số 257 ngày 24/9/2009 và thỏa thuận tại mục 10.2, 10.3 Điều 10 của Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 285/2012/NHNT.ĐT ngày 13/12/2012; theo nội dung thỏa thuận này thì trường hợp tài sản bảo đảm đã xử lý hết để Ngân hàng thu hồi nợ nhưng Công ty chưa trả xong vốn, lãi vẫn phải tiếp tục trả vốn, lãi cho Ngân hàng đến khi Ngân hàng thu hồi nợ xong. Mặt khác, trong các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty T1 từ năm 2020 đến nay đều thể hiện số nợ vay quá hạn chưa thanh toán trong đó có khoản nợ gốc 8.711.233.645 đồng và nợ lãi của Ngân hàng TMCP N.

Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản ghi lời khai ngày 24/7/2024 (BL 351), ông Bùi Đức Q đại diện theo pháp luật của Công ty cũng thừa nhận còn nợ vốn và tiền lãi chưa trả từ ngày 26/9/2013 đến nay như Ngân hàng trình bày.

Bản án sơ thẩm quyết định buộc Công ty cổ phần T1 trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N số tiền vốn gốc là 8.711.233.645 đồng. Công ty cổ phần T1 thống nhất trả tiền vốn gốc theo nội dung bản án sơ thẩm quyết định và không kháng cáo.

Đối với số tiền lãi: Công ty T1 đề nghị áp dụng thời hiệu và không đồng ý trả số tiền lãi cho Ngân hàng, bởi xét về thời hiệu khởi kiện là 03 năm kể từ ngày 26/9/2013 đã hết thời hiệu khởi kiện nên Công ty cho rằng phần lãi phát sinh từ nợ gốc là không có căn cứ chấp nhận.

Nhận thấy, theo khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 quy định: Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc. Quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án Công ty cổ phần T1 không yêu cầu áp dụng thời hiệu. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng thời hiệu và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật là phù hợp. Sau khi bản án sơ thẩm tuyên Công ty cổ phần T1 kháng cáo đề nghị áp dụng thời hiệu, chỉ đồng ý trả tiền vốn và không đồng ý trả tiền lãi là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần T1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngân hàng TMCP N (Ngân hàng) khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần T1 (Công ty T1), về tranh chấp hợp đồng tín dụng, Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật. Công ty T1 kháng cáo trong thời hạn là hợp lệ. Ngân hàng ủy quyền cho ông Trần Văn K, Công ty T1 ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Kim L thủ tục ủy quyền tham gia tố tụng phù hợp nên chấp nhận.

[2] Theo Ngân hàng trình bày, giữa Ngân hàng và Công ty T1 ký Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 285/2012/NHNT.ĐT ngày 13/12/2012, phụ kiện hợp đồng số 01 ngày 30/01/2013 và phụ kiện hợp đồng số 02 ngày 27/5/2013, theo đó Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty T1 số tiền 39.000.000.000đ. Do Công ty T1 vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng, nên Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp của Công ty T1 và đã thanh toán một phần tiền nợ vay và số tiền nợ gốc còn lại là 8.711.233.645đ, lãi tính đến ngày 06/4/2024 là 33.300.293.409đ, nên yêu cầu Công ty T1 trả số tiền nêu trên, đồng thời tiếp tục tính lãi trong hạn, quá hạn, phí phát sinh theo hợp đồng tín dụng.

Bà L thừa nhận việc Công ty T1 vay tiền của Ngân hàng thể hiện tại hợp đồng tín dụng số 285/2012/NHNT.ĐT ngày 13/12/2012 và các văn bản liên quan nêu trên, nhưng phía Công ty T1 không đồng ý theo yêu cầu của Ngân hàng, lý do là tài sản bảo đảm cho khoản vay của Công ty T1 đã được Ngân hàng xử lý xong để thu hồi nợ, nên không đồng ý theo yêu cầu của Ngân hàng.

[3] Xét trình bày của đại diện Công ty T1 cho rằng, theo hợp đồng thế chấp tài sản quy định “nghĩa vụ được bảo đảm chấm dứt, khi tài sản thế chấp đã được xử lý để thu hồi nợ”. Ngoài ra sau khi bán tài sản thế chấp để thu hồi nợ đến nay giữa các bên cũng không có thỏa thuận gì về việc trả tiếp số nợ gốc, nợ lãi, nên không còn nợ Ngân hàng. Nhận thấy việc ký kết của Hợp đồng thế chấp số 257/2009/VCB-ĐT, số 258/2009/VCB-ĐT cùng ngày 24/9/2009 là do hai bên hoàn toàn tự nguyện và đối với Điều 13 của Hợp đồng nói trên quy

định hợp đồng thế chấp chấm dứt trong trường hợp khi “*nghĩa vụ được bảo đảm chấm dứt, tài sản thế chấp đã được xử lý để thu hồi nợ*”. Như vậy nội dung này chỉ quy định về việc chấm dứt hợp đồng thế chấp tài sản.

Tại phiên tòa bà L cho rằng, sau khi Công ty T1 ủy quyền cho Ngân hàng bán tài sản thế chấp để thu hồi nợ xong, thì Ngân hàng cũng không có bất cứ phản hồi nào là Công ty còn nợ tiền vốn và tiền lãi. Theo quy định của pháp luật thì thời hiệu khởi kiện tranh chấp về hợp đồng là 03 năm, như vậy tính từ ngày 26/9/2013 đến nay là đã hết thời hiệu khởi kiện. Hội đồng xét xử nhận thấy, theo quy định tại các hợp đồng thế chấp tài sản có ghi nhận rõ ràng nội dung là số tiền thu được từ xử lý tài sản thế chấp sau khi thanh toán nếu còn dư sẽ được trả lại cho bên thế chấp và bên vay, nếu thiếu thì bên thế chấp và bên vay có trách nhiệm tiếp tục trả số tiền còn nợ theo quy định. Mặt khác tại Điều 10 của Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 285/2012/NHNT.ĐT ngày 13/12/2012, quy định hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi bên vay trả hết nợ (gồm cả nợ gốc, lãi), các khoản tiền phạt và phí khác (nếu có). Trong quá trình giải quyết vụ án thì ông Bùi Đức Q giám đốc Công ty T1 trình bày rằng, Công ty có thống nhất cho Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp thanh toán nợ và xác nhận số tiền vốn gốc còn nợ Ngân hàng là 8.711.233.645đ và lãi tính từ ngày 26/9/2013 cho đến nay. Tại phiên tòa bà L không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh, việc Công ty không còn nghĩa vụ trả nợ hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 285/2012/NHNT.ĐT ngày 13/12/2012. Vì vậy yêu cầu kháng cáo của Công ty T1 là không có cơ sở.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty T1, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ nên chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm xử đã có căn cứ pháp luật nên giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty T1. Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[5] Án phí: Công ty T1 phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban T2 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty cổ phần T1.

Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần N.

2.1. Buộc Công ty cổ phần T1 trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N số tiền vốn gốc là 8.711.233.645 đồng; nợ lãi: 33.300.293.490 đồng. Tổng cộng số nợ phải trả tính đến ngày 05/4/2024 là 42.011.527.135 đồng (Bốn mươi hai tỷ, không trăm mười một triệu, năm trăm hai mươi bảy ngàn, một trăm ba mươi lăm đồng).

2.2. Công ty cổ phần T1 tiếp tục trả tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán từ ngày 06/4/2024 theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 285/2012/NHNT.ĐT ngày 13/12/2012 và các Giấy nhận nợ đã ký kết cho đến khi thanh toán xong.

2.3. Ngân hàng Thương mại cổ phần N được quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

3.1. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty T1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là 150.012.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu, không trăm mười hai ngàn đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N số tiền tạm ứng án phí 75.006.000 đồng theo biên lai thu số 0004214 ngày 27/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

3.2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty cổ phần T1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm số tiền 2.000.000đ, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 2.000.000đ theo biên lai thu số 0007843 ngày 01/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh DT;
- TAND Tp Sa Đéc;
- Chi cục THADS Tp Sa Đéc;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Vạng